TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số:11/2018/HS-ST Ngày: 23-03-2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Xuân – Cán bộ hưu trí

Bà Trần Thị Phương Linh – Bí thư Đoàn phường Xuân Phú

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

Trương Thanh Đ, sinh ngày 23 tháng 07 năm 1999 tại phường NB, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 06 tháng 15 ngày); Nơi cư trú: Tổ 73, khu vực 9, phường NB, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Danh P, sinh năm 1973 và bà Trương Thị H, sinh năm 1980;

Tiền án: Không

Tiền sự:

+ Ngày 09/01/2016, bị Công an Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 750.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Ngày 17/03/2016 chấp hành xong.

Nhân thân:

+ Ngày 26/6/2017 bị TAND huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

+ Ngày 27/11/2017 bị TAND cấp cao Đà Nẵng xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội " Trộm cắp tài sản"

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Kim Sơn – Bộ Công an. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Lương Văn T – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Huỳnh Quốc D, sinh ngày 20 tháng 05 năm 1999 tại phường NP, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 09 tháng 18 ngày); Nơi cư trú: Tổ 3, khu vực 1, phường NP, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề

nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1965 và bà Ung Thị H1, sinh năm 1965

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 26/6/2017 bị TAND huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

+ Ngày 24/8/2017 bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt 06 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản"

+ Ngày 11/9/2017 bị TAND Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Kim Sơn – Bộ Công an. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Nguyễn Thị Khánh D1 – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị hại*:

1./ Vợ chồng Mai Thị B, sinh năm 1966 và Nguyễn D2, sinh năm 1963

Cùng HKTT: Tổ 17, khu vực 2, phường QT, thành phố QN, tỉnh Bình Định

Cùng trú tại: Thôn 2, xã XH, thị xã S, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2./ Trương Thị Đ2, sinh năm 1980.

Trú tại Thôn 2, xã XH, Thị xã S, Phú Yên

Vắng mặt không có lý do

3./ Vợ chồng Lê Thái S1, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

4./ Lê Thị Y, sinh năm 1959. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

5./ Lê Minh H2, sinh năm 1986. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

6./ Vợ chồng Lê Thị B1, sinh năm 1973 và Nguyễn Trần N, sinh năm 1968

Cùng trú tại: Thôn HM, xã XC, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

7./ Vợ chồng Lê Thị L, sinh năm 1980 và Đào Văn L1, sinh năm 1973

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

8./ Đào Thị T1, sinh ngày 24/07/2007.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1980 và ông Đào Văn L1, sinh năm 1973 là cha và mẹ của cháu T1.

Cùng trú tại: Thôn HH, xã XT, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:**

1./ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978.

Cùng trú tại Thôn 2, xã XH, Thị xã S, Phú Yên

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2./ Vợ chồng ông Trương Danh P, sinh năm 1973 và bà Trương Thị H, sinh năm 1980 là cha và mẹ của bị cáo Trương Thanh Đ.

Cùng trú tại: Tổ 73, khu vực 9, phường NB, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Ông P, bà H đều có mặt.

3./ Vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1965 và bà Ung Thị H1, sinh năm 1965 là cha và mẹ của bị cáo Huỳnh Quốc D

Cùng trú tại: Tổ 3, khu vực 1, phường NP, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Ông Đ1 và bà H1 đều có mặt.

Người làm chứng:

1./ Lê Q, sinh năm 1999. Vắng mặt

Trú tại: VH 2, thị trấn DT, huyện TP, tỉnh Bình Định

2./ Trần Văn T3, sinh năm 1980. Vắng mặt

Trú tại: Thôn HM, xã XC, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

3./ Phạm Ngọc K, sinh năm 1983. Vắng mặt

Trú tại: Thôn DT, xã XB, Thị xã S, tỉnh Phú Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thanh Đ và Huỳnh Quốc D không có nghề nghiệp đã nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền sử dụng làm nguồn sống chính. Do thiếu tiền tiêu xài nên Đ và D rủ nhau vào địa bàn thị xã Sông Cầu, lợi dụng sơ hở của các hộ dân không có người trông coi để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vào khoảng 12 giờ ngày 08/02/2017, Đ điều khiển xe mô tô BKS 43K2-3358 chở D vào đến thôn 2, xã XH, tỉnh Phú Yên để trộm cắp tài sản:

+ Vụ thứ nhất: Cả hai phát hiện nhà của vợ chồng bà Mai Thị B và ông Nguyễn D2 không có người trông coi nên vào lục tìm tài sản nhưng không có tài sản nên cả hai lấy 01 ổ khóa cùng các chìa khóa hiệu Zsolex.

+ Vụ thứ hai: Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, cả hai vào nhà của Huỳnh Thị Hoa tìm tài sản nhưng cũng không có tài sản.

+ Vụ thứ ba: Đ tiếp tục điều khiển xe chở D đi trên đường Quốc lộ 1D thì phát hiện nhà của bà Trương Thị Đ2 thuê của Nguyễn Thị T2 không có người nên cả hai vào bên trong. D lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia bỏ vào túi quần, D và Đ cùng lấy 01 bộ lư đồng thờ cúng gồm 05 món bỏ vào trong bao nhưng do cồng kềnh nên Đ nói D bỏ lại cạnh nhà bà Đ2 rồi sẽ quay lại lấy.

+ Vụ thứ tư: Cả hai phát hiện nhà của vợ chồng ông Lê Thái S1 và bà Nguyễn Thị T không có người ở nhà. Cả hai đi ra cửa phía sau nhà dùng một cái rựa đã cũ cắt đứt các mối dây rào B40 rồi cả hai bỏ dép bên ngoài leo vào trong nhà. Đ nói D dùng ổ khóa đã lấy trộm chốt khóa lại bên trong rồi D và Đ chia nhau tìm tài sản, Đ đến tủ nhựa đựng quần áo thì phát hiện và lấy cọc tiền 26.310.000 đồng bỏ vào túi quần (D không biết việc Đ có lấy số tiền này). Sau khi chốt cửa, D vào thì Đ đưa chìa khóa xe nói D ra mở khóa và trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS 78D1-129.49. Khi D ra phòng khách thì phát hiện và lấy 01 điện thoại hiệu FPT và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Essence. Cả hai điều khiển hai xe về Quy Nhơn. D đem bán xe mô tô BKS 78D1-129.49 cho một người thanh niên (Không xác định được họ tên, địa chỉ) với số tiền 4.000.000 đồng nhưng không chia cho Đ.

Vào khoảng 12 giờ ngày 23/02/2017, Trương Thanh Đ điều khiển xe mô tô BKS 82H1-068.81 (mượn của Lê Q) chở Huỳnh Quốc D vào thị xã Sông Cầu để trộm cắp tài sản:

+ Vụ thứ năm: Cả hai vào nhà bà Lê Thị Y lấy trộm 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy và số tiền 270.000 đồng của Lê Thị Y, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Citien và 01 cái ba lô hiệu Huduy của Lê Minh H2.

+ Vụ thứ sáu: Đ và D tiếp tục đi trên đường Quốc lộ 1A đến khoảng 14 giờ cùng ngày, cả hai vào nhà vợ chồng bà Lê Thị L và ông Đào Văn L1. Đ và D mỗi người chia nhau lục tìm tài sản tại tủ nhựa. Đ phát hiện và lấy số tiền 2.100.000 đồng của Đào Thị T1 rồi bỏ vào túi quần (lúc này D lo tìm tài sản nên không biết). D phát hiện và lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1-01 trên tủ kính và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 trên giường ngủ rồi bỏ vào túi quần. Đ phát hiện và lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 và 02 dây sạc trong phòng khách rồi bỏ vào túi quần. Đ lấy 02 lốc nước yến Sannest trên tủ còn D phát hiện 01 máy tính xách tay hiệu Dell. Cả hai lấy laptop, dây sạc và 02 lốc yến bỏ vào ba lô đã lấy tại nhà của bà Y. Khi D ra cửa sổ lấy dép thì Đ phát hiện và lấy 10 USD Mỹ, 110 Đô la Úc và số tiền 500.000 đồng trong ví da trên tủ kính rồi cả hai bỏ đi.

+ Vụ thứ bảy: Đến khoảng 15 giờ cùng ngày cả hai vào nhà ông vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N lấy trộm 01 chai nước hoa hiệu Beyonce Heat, 02 chai nước hoa hiệu Wonderstruck Taylor, 04 đồng hồ đeo tay gồm hiệu Gold Star, hiệu Macr by Macr Jacobs, hiệu Channel, hiệu Nary, 02 chai rượu vang Đà lạt và hiệu Chivas và 01 cái ví nam hiệu "VL".

Sau khi lấy trộm tài sản, cả hai chia nhau tài sản cụ thể: Đ giữ 01 máy tính xách tay đem bán cho một người không xác định được họ tên, địa chỉ với số tiền 2.400.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 bán với giá 1.300.000 đồng, 02 chai rượu và 01 đồng hồ đeo tay điện tử để sử dụng, 10 đô la Mỹ, 110 đô la Úc, Đ nói tiền đô của nhà nên nhờ Lê Q đổi tại tiệm ở huyện Tuy Phước được số tiền 1.400.000 đồng, Đ sử dụng tiêu xài hết. D giữ và bán 02 điện thoại hiệu Nokia, và 01 điện thoại hiệu Samsung cho 01 tiệm điện thoại ở Quy Nhơn (Không rõ tên tiệm và địa chỉ cụ thể), 03 chai nước hoa và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 để sử dụng, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Nary đưa cho Huỳnh Văn Đ1, 04 đồng hồ còn lại và 01 ba lô sau bị Công an thu giữ, số tiền 300.000 đồng do Đ chia D sử dụng tiêu xài. Riêng điện thoại FPT đã hỏng nên vứt trên đường và 02 lốc nước yến cả hai sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 28/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 xe mô tô BKS 78D1-129.49 nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu xanh bạc, số máy E3R7E005460, số khung RLCSE9210EY005461, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu tháng 12/2014, tại thời điểm ngày 08/02/2017 có giá trị là 32.393.500 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1-01, màu đen-đỏ đã qua sử dụng, mua năm 2013, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, đã qua sử dụng, mua năm 2014, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 500.000 đồng; 01 điện thoại di động Trung Quốc, kiểu dáng Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng, mua tháng 06/2016, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 600.000 đồng ; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Insprion 5537 màu đen xám đã qua sử dụng, mua tháng 11/2014, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 4.000.000 đồng;

10 đô la Mỹ có giá trị là 225.950 đồng, 110 đô Australia có giá trị là 1.847.670 đồng. Tổng giá trị các tài sản: 7.373.620 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 đồng hồ đeo tay hiệu Essence, kính sapphire, đá ceramic mua năm 2014, tại thời điểm ngày 08/02/2017 có giá trị là 50.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT C2, đã qua sử dụng mua tháng 5/2016, tại thời điểm ngày 08/02/2017 có giá trị là 100.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản: 150.000 đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 02 lốc nước yến Sannest (lốc 06 lon) tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị 90.000 đồng. Riêng dây sạc điện thoại di động Iphone 4, mua năm 2014, tài sản này đã qua sử dụng, có giá trị nhỏ nên không khảo sát được giá; dây sạc di động kiểu dáng Iphone 5, mua tháng 06/2016, tài sản này đã qua sử dụng, có giá trị nhỏ nên không khảo sát được giá.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 17/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 đồng hồ đeo tay hiệu Gold Star, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 50.000 đồng ; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Macr by Macr Jacobs, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 50.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Channel, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 50.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Nary, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 50.000 đồng, và 01 chai rượu vang Đà lạt, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 75.000 đồng và 01 chai rượu nhãn hiệu Chivas, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 1.100.000 đồng; có tổng giá trị 1.375.000 đồng. Riêng 01 ví da hiệu VL mua tháng 02/2017 trên địa bàn thị xã không bán loại ví này, thiếu thông tin nên không định giá được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 ổ khóa nhãn hiệu Zsolex đã qua sử dụng từ tháng 01/2017, tại thời điểm ngày 08/02/2017 có giá trị là 30.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 đồng hồ đeo tay hiệu Citien, màu đen, mua vào tháng 02/2017, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 50.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Core 2, đã qua sử dụng, mua năm 2013, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá: 650.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, đã qua sử dụng, mua tháng 11/2016, tại thời điểm ngày 08/02/2017 có giá trị là 150.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐG ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 bộ lư đồng đã qua sử dụng từ năm 2000, trọng lượng 14,4kg, gồm: 02 cái đèn, kích thước mỗi cái: cao: 42cm, phần đầu đường kính: 07cm, phần giữa (cái đĩa) đường kính 23cm, phần chân đế đường kính 18cm, trọng lượng: 2,6kg/cái; 02 cái ly (bộ ly), mỗi cái có đặc điểm: phần đầu có đường kính 14cm, phần đế có đường kính 12,5cm, chiều cao

10,5cm, trọng lượng: 0,7kg/cái; 01 bộ tam có chiều cao 50cm, chiều rộng phần giữa 40cm, phần chân đế chiều rộng 22cm, cân nặng: 7,8kg, tại thời điểm ngày 08/02/2017 có giá trị là 4.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐG ngày 04/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 02 chai nước hoa hiệu Wonderstruck Taylor Swift của Hoa Kỳ, thể tích: 50ml/chai, tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 1.960.000 đồng; 01 chai nước hoa hiệu Beyonce Heat Seduction của Hoa Kỳ, thể tích: 50ml tại thời điểm ngày 23/02/2017 có giá trị là 1.150.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu Essence, kính sapphire, đá ceramic mua năm 2014 đã trả lại cho chủ sở hữu ông Lê Thái S1,
- 04 đồng hồ đeo tay hiệu Gold Star, Macr by Macr Jacobs, Channel, Nary và 01 ví da nhãn hiệu " VL", đã trả lại cho chủ sở hữu bà Lê Thị B1.
- 01 ổ khóa nhãn hiệu Zsolex đã qua sử dụng từ tháng 01/2017 đã trả lại cho chủ sở hữu vợ chồng bà Mai Thị B và ông Nguyễn D2.
- 01 cái ba lô hiệu Huduy đã trả lại cho chủ sở hữu ông Lê Minh H2
- Đang tạm giữ: 01 (Một) cái rựa lưỡi bằng kim loại, tay cầm bằng gỗ; 01 (một) đôi dép nhựa màu xanh; 01 (một) đôi dép có quai hậu màu đen. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Thanh Đ tự nguyện nộp số tiền 500.000đ để khắc phục hậu quả cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T; Huỳnh Quốc D tự nguyện nộp số tiền 200.000đ để khắc phục hậu quả cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T.

Cáo trạng số 37/CT- VKS ngày 05/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Trương Thanh Đ và Huỳnh Quốc D về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đối với các bị cáo Trương Thanh Đ và Huỳnh Quốc D về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Thanh Đ và Huỳnh Quốc D phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138, điểm b, p, o khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 69, Điều 74 BLHS 1999 đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thanh Đ từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Đ còn bị TAND huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; TAND cấp cao Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Do đó đề nghị áp dụng Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt của 02 bản án.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138, điểm b,p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 69, Điều 74 BLHS 1999 đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc D từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo D còn bị TAND huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; TAND tỉnh Bình Định xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản";

TAND thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" . Do đó đề nghị áp dụng Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt của 03 bản án.

Về vật chứng vụ án:

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu Essence - đã trả cho Lê Thái S1; 04 đồng hồ đeo tay hiệu Gold Star, Macr by Macr Jacobs, Channel, Nary và 01 ví da hiệu VL - Đã trả cho Lê Thị B1; 01 ổ khóa hiệu ZSOLEX và 04 chìa khóa cùng loại - Đã trả cho chủ sở hữu Mai Thị B; 01 túi xách màu đen cam có chữ Huduy - Đã trả cho Lê Minh H2, nên đề nghị miễn xét.

- 01 đôi dép nhựa màu xanh, 01 đôi dép có quai hậu màu đen của D và Đ; 01 cái rựa lưỡi bằng kim loại, tay cầm bằng gỗ tại nhà của Lê Thái S1 là công cụ mà Đ và D đã dùng để phá khóa không còn giá trị sử dụng. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại vợ chồng Mai Thị B, Nguyễn D2, Lê Thị Y và Lê Minh H2 không yêu cầu bồi thường nên đề nghị miễn xét.

Đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999 và Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc hai bị cáo bồi thường bằng tài sản của mình. Nếu hai bị cáo không có đủ tài sản thì cha mẹ của các bị cáo phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Trong vụ án này, mặc dù các bị cáo thống nhất việc lấy tài sản nhưng sau khi lấy một số tài sản được sử dụng chung, có một số tài sản đã được phân chia nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng.

Người bị hại Trương Thị Đ2 hiện nay không xác định được địa chỉ ở đâu nhưng quá trình điều tra bà Đ2 có yêu cầu bồi thường nên buộc Đ và D liên đới bồi thường số tiền 150.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 75.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của người bị hại vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T, vợ chồng Lê Thị L và Đào Văn L1, Đào Thị T1, vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T đối với số tài sản bị chiếm đoạt là 58.803.500 đồng trong đó Đ và D phải bồi thường theo tỷ lệ tương ứng: Đ phải bồi thường số tiền là 26.310.000 đồng, D phải bồi thường số tiền là 32.493.500 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của vợ chồng Lê Thị L và Đào Văn L1, Đào Thị T1 đối với số tài sản bị chiếm đoạt: 7.963.620 đồng và 2.100.000 đồng nên buộc Đ và D phải bồi thường số tiền cụ thể tương ứng: Đ phải bồi thường số tiền là 9.018.620 đồng, D bồi thường số tiền 1.045.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N đối với tài sản bị chiếm đoạt: Đ phải bồi thường số tiền là 1.175.000 đồng, D phải bồi thường số tiền là 3.110.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường của người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 đối với tài sản chiếm đoạt là 4.500.000 đồng buộc bị cáo Đ và D liên đới bồi thường, mỗi bị cáo là 2.250.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Thanh Đ và Huỳnh Quốc D đều khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như bản cáo trạng số 37/CT- VKS ngày 05/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thanh Đ là ông Lương Văn T – trợ giúp viên pháp lý; Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc D là bà Nguyễn Thị Khánh D1 – trợ giúp viên pháp lý đều có nội dung bào chữa như sau: Thống nhất với tội danh và căn cứ áp dụng mà cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên các bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, về thể chất chưa phát triển đầy đủ; nhận thức pháp luật còn hạn chế. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có cơ hội tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Trương Thanh Đ: Nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt

Bị cáo Huỳnh Quốc D: Nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo,người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Những người bị hại là vợ chồng Mai Thị B và Nguyễn D2, vợ chồng ông Lê Thái S1 và bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị Y, ông Lê Minh H2, vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N, vợ chồng Lê Thị L và Đào Văn L1, chị Đào Thị T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Vợ chồng Lê Thị L, Đào Văn L1 và Chị Đào Thị T1 không yêu cầu người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Đào Thị T1; Bà Trương Thị Đ2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 3 không có lý do thuộc trường hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo: Trương Thanh Đ, Huỳnh Quốc D tại phiên toà, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo Trương Thanh Đ, Huỳnh Quốc D đã có hành vi trộm cắp tài sản, Tổng giá trị tài sản ở vào các thời điểm các bị cáo chiếm đoạt trị giá 79.002.120 đồng (Bảy mươi chín triệu không trăm lẻ hai nghìn một trăm hai mươi đồng) là đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Gây ảnh

hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên đã thống nhất đến địa phương khác lén lút để trộm cắp tài sản. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên các bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Bị cáo Đ có nhân thân xấu: Ngày 26/6/2017 bị TAND huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

+ Ngày 09/01/2016, bị Công an Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 750.000 đồng về hành vi " Trộm cắp tài sản". Ngày 17/03/2016 chấp hành hình phạt.

+ Ngày 27/11/2017 bị TAND cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản"

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Kim Sơn – Bộ Công an.

Bị cáo D có nhân thân xấu: Ngày 26/6/2017 bị TAND huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

+ Ngày 24/8/2017 bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt 06 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản"

+ Ngày 11/9/2017 bị TAND Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Kim Sơn – Bộ Công an.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa: Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trương Thanh Đ: Đề nghị xét xử dưới mức Viện kiểm sát đề nghị và người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc D: Đề nghị xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. HĐXX thấy rằng tuy các bị cáo là người chưa thành niên nhưng các bị cáo đã liên tục phạm tội trong thời gian ngắn, phạm tội nhiều lần, tài sản trộm cắp được có giá trị lớn; gây thiệt hại cho nhiều người. Do đó, HĐXX không chấp nhận theo đề nghị của người bào chữa xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị mà cần áp dụng các Điều 69, 74 Bộ luật hình sự 1999 xét xử các bị cáo với mức án vừa phải cũng đủ tác dụng giáo dục.

Do đó cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra đồng thời cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo Trương Thanh Đ tự nguyện nộp số tiền 500.000 đồng để khắc phục hậu quả cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T; Huỳnh Quốc D tự nguyện nộp số tiền 200.000 đồng để khắc phục hậu quả cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T; khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 xét xử bị cáo với mức án vừa phải để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng. Khi phạm tội, các bị cáo đều chưa thành niên, nên cần áp dụng Điều 69 và Điều 74 BLHS

1999, các bị cáo chỉ phải chịu mức hình phạt bằng ¾ mức hình phạt đối với người đã thành niên phạm tội.

Bị cáo Đ phạm tội nhưng đã tự thú nên được áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Trương Thanh Đ đang chấp hành hình phạt tù đối với bản án số 18/2017/HSST ngày 26/06/2017 của tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, với mức án 09 (chín) tháng tù; bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng với mức án 07 (Bảy) năm tù, nên cần áp dụng Điều 51 BLHS 1999 về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án.

Bị cáo Huỳnh Quốc D đang chấp hành hình phạt tù đối với bản án số 18/2017/HSST ngày 26/06/2017 của tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, với mức án 09 (chín) tháng tù; bản án số 30/2017/HSST ngày 24/08/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định với mức án 06 (sáu) năm tù và bản án số 94/2017/HSST ngày 11/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quy nhơn, tỉnh Bình Định, mức án 09 (chín) tháng tù, nên cần áp dụng Điều 51 BLHS 1999 về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 04 bản án.

[4] Về trách nhiệm dân sự :

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của người bị hại vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T, vợ chồng Lê Thị L và Đào Văn L1, vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 là có căn cứ nên được chấp nhận; buộc các bị cáo phải bồi thường bằng tài sản của mình. Nếu các bị cáo không có đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của các bị cáo phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Cụ thể như sau:

Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T:Tổng tài sản bị chiếm đoạt là 58.803.5000 đồng, trong đó Đ và D phải bồi thường theo tỷ lệ tương ứng: Đ phải bồi thường số tiền là 26.310.000 đồng, D phải bồi thường số tiền là 32.493.500 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của vợ chồng Đào Văn L1 và Lê Thị L, cháu Đào Thị T1: giá trị tài sản bị chiếm đoạt 7.963.620 đồng và 2.100.000đ nên buộc Đ và D phải bồi thường số tiền cụ thể tương ứng: Đ phải bồi thường số tiền là 9.018.620 đồng, D bồi thường số tiền 1.045.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N đối với tài sản bị chiếm đoạt: Đ phải bồi thường số tiền là 1.175.000 đồng, D phải bồi thường số tiền là 3.110.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 đối với tài sản chiếm đoạt là 4.500.000 đồng buộc bị cáo Đ và Danh liên đới bồi thường, mỗi bị cáo là 2.250.000 đồng.

Đối với bà Lê Thị Y và ông Lê Minh H2 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các tài sản mà bị cáo đã trộm cắp nên HĐXX không buộc các bị cáo phải bồi thường.

Đối với yêu cầu của bà Trương Thị Đ2: tại cơ quan điều tra bà Đ2 yêu cầu bị cáo bồi thường, hiện nay không xác định được địa chỉ ở đâu nhưng quá trình điều tra bà Đ2 có yêu cầu bồi thường nên buộc Đ và D liên đới bồi thường số tiền 150.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 75.000 đồng.

Đối với vợ chồng bà Mai Thị B và Nguyễn D2 đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 đôi dép nhựa màu xanh, 01 đôi dép có quai hậu màu đen của D và Đ; 01 cái rựa lưỡi bằng kim loại, tay cầm bằng gỗ tại nhà của Lê Thái S1 là công cụ mà Đ và D đã dùng để phá khóa không còn giá trị sử dụng. Do đó áp dụng Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố**:** Các bị cáo Trương Thanh Đ, Huỳnh Quốc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138, điểm b,p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 69, Điều 74 BLHS 1999 đối với cả hai bị cáo. Riêng bị cáo Đ còn áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Trương Thanh Đ 02(Hai) năm tù.

Áp dụng điều 51 BLHS 1999 tổng hợp hình phạt tù đối với các bản án số 18/2017/HSST ngày 26/06/2017 của tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, mức án 09 (chín) tháng tù; bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng, mức án 07(Bảy) năm tù. Buộc bị cáo Trương Thanh Đ phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án bằng: 09 (Chín) năm 09(Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/03/2017.

Xử phạt: Huỳnh Quốc D 02(Hai) năm tù.

Áp dụng điều 51 BLHS 1999 tổng hợp hình phạt tù đối với các bản án số 18/2017/HSST ngày 26/06/2017 của tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, với mức án 09 (chín) tháng tù; bản án số 30/2017/HSST ngày 24/08/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định với mức án 06 (sáu) năm tù và bản án số 94/2017/HSST ngày 11/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quy nhơn, tỉnh Bình Định, mức án 09 (chín) tháng tù. Buộc bị cáo Huỳnh Quốc D phải chấp hành hình phạt chung của 04 bản án bằng: 09 (Chín) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/04/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép nhựa màu xanh, 01 đôi dép có quai hậu màu đen của D và Đ; 01 cái rựa lưỡi bằng kim loại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trương Thanh Đ phải bồi thường cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T số tiền là 26.310.000 đồng(Hai mươi sáu triệu ba trăm mười nghìn đồng), nhưng được khấu trừ tiền đã nộp khắc phục cho Lê Thái S1 là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0001456, ngày 23/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, bị cáo Đ còn phải bồi thường cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T số tiền 25.810.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn đồng)* ; bồi

thường vợ chồng Lê Thị L và Đào Văn L1, Đào Thị T1 số tiền tổng cộng là 9.018.620 đồng *(Chín triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm hai mươi đồng)*; bồi thường cho vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N số tiền là 1.175.000 đồng *(Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*; bồi thường cho Nguyễn Thị T2 số tiền 2.250.000 đồng *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);* bồi thường cho Trương Thị Đ2 số tiền 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Cha, mẹ của bị cáo Trương Thanh Đ là ông Trương Danh P và bà Trương Thị H có nghĩa vụ bồi thường phần còn thiếu nếu tài sản của bị cáo Đ không đủ để bồi thường;

Huỳnh Quốc D phải bồi thường cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T số tiền là 32.493.500 đồng, nhưng được khấu trừ tiền đã nộp khắc phục cho ông S1 là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001455 ngày 23/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, bị cáo D còn phải bồi thường cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T số tiền 32.293.500 đồng *(Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng)*; bồi thường cho vợ chồng Lê Thị L và Đào Văn L1, Đào Thị T1 số tiền 1.045.000 đồng *(Một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*; bồi thường cho vợ chồng Lê Thị B1 và Nguyễn Trần N số tiền 3.110.000 đồng *(Ba triệu một trăm mười nghìn đồng)*; bồi thường cho Nguyễn Thị T2 số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho Trương Thị Đ2 số tiền 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Buộc cha, mẹ của bị cáo Huỳnh Quốc D là ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Ung Thị H1 có nghĩa vụ bồi thường phần còn thiếu nếu tài sản của bị cáo D không đủ để bồi thường;

Tuyên giao cho vợ chồng Lê Thái S1 và Nguyễn Thị T được nhận số tiền 700.000 đồng *(Bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001456, ngày 23/03/2018 và biên lai thu số 0001455 ngày 23/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trương Thanh Đ phải chịu 1.916.000 đồng *(Một triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Huỳnh Quốc D phải chịu 1.938.000 đồng *(Một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bào chữa, vợ chồng Trương Danh P và Trương Thị H; vợ chồng Huỳnh Văn Đ1 và Ung Thị H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Công an thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên Toà
(Đã ký)

Trần Ngọc Trung